

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 26-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Nguyễn Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1995 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 và bà Vũ Thị C; vợ là: Bùi Thị H và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Văn B, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1961; tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V và bà Nguyễn Thị M; vợ là: Đào Thị T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; chết ngày 16-5-2022.

- Bị hại:

Chị Lê Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B1, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M Đức, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Chị Cao Thị S, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trần Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố H; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn D và anh Lê Văn D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Hoàng Văn B có quan hệ quen biết nhau và đều nghiện ma túy. Khoảng 11 giờ, ngày 23-9-2021, bị cáo T điều khiển xe mô tô số loại AIR BLADE, biển kiểm soát 15B4-030.15 (của chị Bùi Thị H - là vợ bị cáo T) đến nhà bị cáo B. Tại đây, bị cáo T rủ bị cáo B đi tìm tài sản để trộm cắp, bị cáo B đồng ý. Vào khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo B đến khu vực Cầu Gù thuộc tổ dân phố B, phường B, quận Đ thì phát hiện thấy cửa hàng bán đồ điện nước T của chị Lê Thị H, sinh năm 1983, không có người trông coi. Bị cáo T đỗ xe trước cửa, bị cáo B đi vào trong cửa hàng lấy 01 cuộn dây điện nhãn hiệu SANG JOO dài 100m. Sau đó, cả hai mang cuộn dây điện đến cửa hàng điện nước Dương Hậu, ở thôn Lão Phong 2, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng bán cho anh Trần Đông D, sinh năm 1985 được 1.000.000 đồng. Số tiền này, cả hai đã chia nhau mỗi bị cáo được 300.000 đồng, còn 400.000 đồng thì mua ma túy và đồ ăn về dùng chung.

Trong thời gian ở nhà bị cáo B, bị cáo T có quen biết Nguyễn Văn D, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố T, phường B, quận Đ. Vào khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 27-9-2021, bị cáo T rủ D đi tìm tài sản để trộm cắp, anh D đồng ý; bị cáo T điều khiển xe mô tô chở D từ nhà của B (lúc này B không có ở nhà) đến cửa hàng chuyên đồ gia dụng - đồ điện nước N của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985, ở tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ thì phát hiện thấy không có người trông coi. Bị cáo T đỗ xe ở trước cửa, D xuống xe đi vào trong cửa hàng lấy 01 cuộn dây điện, nhãn hiệu TACHICO dài 82m và 01 cuộn dây điện, nhãn hiệu TACHICO dài 63m. Ngay lúc đó, anh N phát hiện có người trộm cắp tài sản nên đã hô hoán. D bê 02 cuộn dây điện lên xe mô tô để bị cáo T điều khiển bỏ chạy, đến khu vực cống sông S thì bị ngã, D bỏ chạy còn bị cáo T bị quần chúng nhân dân và Công an phường M bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 02-11-2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: 01 cuộn dây điện nhãn hiệu SANG JOO, dài 100m, có giá trị là 2.500.000 đồng; 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TACHICO, dài 82m, có giá trị là 1.230.000 đồng; 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TACHICO, dài 63m, có giá trị là 346.500 đồng. Tổng giá trị của 03 cuộn dây điện là 4.076.500 đồng.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 04-5-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo T và bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 16-5-2022, bị cáo B chết.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến về nội dung Cáo trạng; thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như Cáo trạng đã nêu; xác nhận việc điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai; trong quá trình điều tra, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng với bị cáo B lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây điện nhãn hiệu SANG JOO, dài 100m, trị giá 2.500.000 đồng; cùng với D lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TACHICO, dài 82m, trị giá 1.230.000 đồng và 01 cuộn dây điện nhãn hiệu TACHICO, dài 63m, trị giá 346.500 đồng. Do đó, Viện Kiểm sát truy tố hai bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Do bị cáo B chết trước khi mở phiên tòa nên Viện Kiểm sát rút một phần quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ vụ án đối với bị cáo B.

Đối với bị cáo T: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; có ông nội được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng. Về nhân thân, bị cáo nghiện ma túy từ năm 2019 nên có nhân thân xấu.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự vì hành cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 03 cuộn dây điện và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B4-030.15 cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không giải quyết.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Thuy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T và các bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Cao Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Đông D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không yêu cầu về bồi thường thiệt hại. Sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 16-5-2022, bị cáo Hoàng Văn B chết. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát rút một phần quyết định truy tố, đề nghị đình chỉ vụ án đối với bị cáo B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án đối với bị cáo B.

Về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T:

[4] Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo B, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 11 giờ 20 phút, ngày 23-9-2021, tại cửa hàng bán đồ điện nước T của chị Lê Thị H, thuộc tổ dân phố B, phường B1, quận Đ, thành phố Hải Phòng, bị cáo T cùng bị cáo B có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cuộn dây điện nhãn hiệu SANG JOO của chị H, trị giá 2.500.000 đồng; vào khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 27-9-2021, tại cửa hàng chuyên đồ gia dụng - đồ điện nước Nam Sơn của anh Nguyễn Văn N, thuộc tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, bị cáo T cùng với Nguyễn Văn D có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 cuộn dây điện nhãn hiệu TACHICO của anh N và chị S trị giá 1.576.500 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 4.076.500 đồng.

[5] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cho bản thân.

[6] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng .., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”.

[7] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt và điều luật là có cơ sở và đúng pháp luật.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ông nội của bị cáo được Hội đồng Cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng Huân chương Chiến sĩ giải phóng năm 1975. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về vai trò của bị cáo trong đồng phạm:* Đây là vụ án có đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm. Bị cáo T đề xuất, rủ rê và điều khiển xe mô tô chở bị cáo B và D đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp nên có vai trò cao hơn trong đồng phạm nên Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[11] *Về nhân thân:* Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2019, đến thời điểm phạm tội, bị cáo vẫn thường sử dụng ma túy nên có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử cần xem xét yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[12] *Về hình phạt chính:* Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò trong đồng phạm và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[13] *Về hình phạt bổ sung:* Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ (con nhỏ nhất sinh ngày 18-01-2022) nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[14] *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại 03 cuộn dây điện cho các bị hại, trả lại chiếc xe mô tô số loại AIR BLADE, biển kiểm soát 15B4-030.15 mà bị cáo T điều khiển cho chị Bùi Thị H (vì chị H không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội) là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[16] *Biện pháp tư pháp*: Số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo T và bị cáo B có được từ việc bán cuộn dây điện cho anh Trần Đông D là khoản tiền do bán tài sản phạm tội mà có. Hai bị cáo chia nhau mỗi người được 300.000 đồng, còn 400.000 đồng thì sử dụng chung nên xác định bị cáo T có được $\frac{1}{2}$ số tiền 1.000.000 đồng nêu trên. Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo T nộp lại 500.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[17] *Về vấn đề khác*: D và bị cáo T trộm cắp 02 cuộn dây điện trị giá 1.576.500 đồng. Giá trị tài sản D chiếm đoạt nhỏ hơn 2.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Công an quận Đồ Sơn xử phạt hành chính đối với D là đúng quy định. Anh D không biết cuộn dây điện mà các bị cáo bán cho mình là tài sản do phạm tội mà có, chị H không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe mô tô của mình làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không lập hồ sơ xử lý đối với anh D và chị H là có cơ sở.

[18] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[19] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo T, chị H và anh N có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị S và anh D vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn T 09 (*Chín*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải nộp lại 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T, anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Cao Thị S có quyền kháng cáo bản án, anh Trần Đông D có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Nguyễn Thị Ninh

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Nguyễn Thị Ninh

Vũ Trọng Đạt